

Số: 320 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 05 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 04 thủ tục hành chính mới và 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 102/TT-TTr ngày 11/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 04 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng (PCTN) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh Gia Lai trên cơ sở Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực PCTN thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ (Phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ 05 thủ tục hành chính trong lĩnh vực PCTN được công bố tại Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Thanh tra tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp công lập các cấp và các doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

- Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan liên quan, căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính chung trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 01/2018/NĐ-CP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

- Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập các cấp và các doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra tỉnh và cơ quan liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý niêm yết, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T.D*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC-VP Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- CT, Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND cấp xã, cơ quan, đơn vị cấp huyện;
(UBND cấp huyện sao gửi);
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, NC.

CHỦ TỊCH




Võ Ngọc Thành


PHỤ LỤC I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC
PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA THÀNH TRÀ TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)**



TT	Thời hạn thực hiện	Địa điểm thực hiện/ Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	<p>Kê khai tài sản, thu nhập</p> <p>1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu: Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ). Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tùyئن dụng, bố trí vào vị trí công tác. 2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung: Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31/12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập. 3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm: Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn</p>	<p>Việc kê khai tài sản, thu nhập được tổ chức triển khai tại các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp nhà nước.</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p>

	<p>vi, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/12 hàng năm.</p> <p>4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật PCTN 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử. 		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 20/11/2018;
		<p>Không</p>	<p>Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao kiểm soát tài sản, thu nhập.</p>	<p>Không</p>
<p>2</p> <p>Xác minh tài sản, thu nhập</p>	<p>Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc)</p>			
<p>3</p> <p>Tiếp nhận yêu cầu giải trình</p>	<p>Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình</p>		<p>Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước</p>	

			<p>4</p> <p>Thủ tục thực hiện việc giải trình</p>		<p>Không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.</p>		<p>Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước</p>	<p>01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN.</p>	<p>Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN.</p>
--	---	--	---	--	--	--	--	---	--

(Handwritten signature)

PHỤ LỤC II

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC
PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA THANH TRA TỈNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định bãi bỏ
Bãi bỏ 05 TTHC được công bố tại Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh			
01	2.001790.000.00.00.H21	Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập	Luật phòng chống, tham nhũng số 36/2018/QH14; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020. Luật phòng chống, tham nhũng số 36/2018/QH14; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.
02	2.001907.000.00.00.H21	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	
03	2.001905.000.00.00.H21	Xác minh tài sản thu nhập	
04	2.001798.000.00.00.H21	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	
05	2.001797.000.00.00.H21	Thực hiện việc giải trình	

B